

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-03-2021.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**
2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 609/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngô Thị G**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 025, tổ A, ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Văn Vũ L**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số nhà 236, tổ A1, ấp B1, xã T1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị G có mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Ngô Thị G trình bày: Chị G và anh Nguyễn Văn Vũ L kết hôn vào ngày 12/5/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/5/2016. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Nguyên nhân do anh L không lo làm ăn suốt ngày ăn nhậu, không quan tâm vợ con. Chị G và anh L cũng đã nhiều lần nói chuyện, tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy, hôn nhân không thể hàn gắn, vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung. Nay chị G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Vũ L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Vy, sinh ngày 03/6/2016, hiện đang sống cùng với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc V, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị G xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Vũ L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Trích lục kết hôn (bản sao);
- Trích lục khai sinh Nguyễn Ngọc V (bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị G về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Vũ L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã T1, huyện Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Vũ L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Vũ L.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị G thì chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Cao Lãnh vào ngày 12/5/2016. Như vậy có căn cứ xác định hôn nhân của chị G và anh L là hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị G yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Về phía anh L là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị G trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 03/6/2016, hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị G thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con, cụ thể là chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc V. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc V, hiện nay con chung đang sống với chị G phát triển và được chăm sóc tốt. Thu nhập của chị G đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu V. Do đó, cần để cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị G.

Anh Nguyễn Văn Vũ L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị G phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0011934 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị G.

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Vũ L.

- Về con chung: Chị Ngô Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 03/6/2016. Anh Nguyễn Văn Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị G không có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn Vũ L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị G phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0011934 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành

án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chinh

